

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương, tỉnh và huyện cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 29**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác (nguồn ngân sách tỉnh);

Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa về việc ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương, tỉnh và huyện cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Báo cáo thẩm tra số 03/BC-HĐND-KTXH ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương, tỉnh và huyện cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 74.544,9 triệu đồng, trong đó:

- + Ngân sách Trung ương: 37.198,4 triệu đồng.
- + Ngân sách tỉnh: 20.956,4 triệu đồng.
- + Ngân sách huyện đối ứng: 16.390,1 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa khóa XII, kỳ họp thứ 29 thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025 có hiệu lực từ ngày thông qua. Các nội dung khác tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa khóa XII không điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy; TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- TT HĐND, UBND các xã;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Lực



Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN TƯ NGHĨA

(Ban theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày tháng 02 năm 2025 của HĐND huyện Tư Nghĩa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian thực hiện	Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án hoàn thành			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung			Tổng Tăng	Trong đó			Trong đó			Ghi chú		
						Tổng mức đầu tư	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng Vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng Vốn		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			
																							5=6+7+8	6
TỔNG CỘNG						35.778,9	26.201,0	1.956,4	7.621,5	49.823,9	37.198,4	1.956,4	10.669,1	74.544,9	37.198,4	20.956,4	16.390,1	26.232,7	1.016,4	19.000,0	6.216,3	1.511,5	1.016,4	495,1
I Nghĩa Lâm						4.799,4	2.608,3	978,2	1.122,9	4.754,0	2.628,2	978,2	1.147,6	9.411,1	2.628,2	4.478,2	2.304,7	4.989,7	250,3	3.500,0	1.239,4	332,6	250,3	82,3
1	Kênh NVC8 - Dông Trương - Trần Đình Tiếp	xã Nghĩa Lâm	760 m	2022-2023	1109, 14/10/2022	325,0	260,0		65,0	325,0	260,0		65,0	325,0	260,0		65,0							
2	Kênh NVC2-3- Mương 6 ống	xã Nghĩa Lâm	150 m	2022-2023	1110, 14/10/2022	650,0	200,8	319,2	130,0	650,0	200,8	319,2	130,0	650,0	200,8	319,2	130,0							
3	Kênh tuyến TB thôn 7 - Dông mới - Thổ mào (Giai đoạn 1)	xã Nghĩa Lâm	150 m	2022-2023	159, 23/7/2024	848,0	19,4	659,0	169,6	858,0	27,4	659,0	171,6	848,0	19,4	659,0	169,6				10,0	8,0	2,0	
4	Đường Cầu Lâm 2 - Trường THCS	xã Nghĩa Lâm	850 m	2023-2025	23, 22/01/2024	1.445,0	1.156,0		289,0	1.445,0	1.156,0		289,0	1.157,0	925,6		231,4				288,0	230,4	57,6	
5	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa thôn 1	xã Nghĩa Lâm		2023-2024	149,11/7/2024	759,1	531,3		227,7	776,0	543,2		232,8	759,1	531,3		227,7				16,9	11,9	5,1	
6	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa thôn 6	xã Nghĩa Lâm		2023-2024	40b-QĐ-UBND ngày 20/02/2024	682,4	440,8		241,6	700,0	440,8		259,2	682,382	440,800		241,582					17,6	17,6	
7	Nâng cấp, cải tạo trường Tiểu học Nghĩa Lâm	xã Nghĩa Lâm		2025									1.000,0		800,0	200,0	1.000,0		800,0	200,0				
8	BTXM Tuyến đường Cầu Lâm 2 - Trường THCS (giai đoạn 2)	xã Nghĩa Lâm	Khóang 170m	2025									400,0		320,0	80,0	400,0		320,0	80,0				
9	Đầu tư, xây mới Nhà văn hóa thôn 7	xã Nghĩa Lâm		2025									1.000,0		700,0	300,0	1.000,0		700,0	300,0				
10	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa xã	xã Nghĩa Lâm		2025									413,3	250,3	39,0	124,0	413,3	250,3	39,0	124,0				
11	Nâng cấp, cải tạo Trường Mầm non Nghĩa Lâm	xã Nghĩa Lâm		2025									500,0		400,0	100,0	500,0		400,0	100,0				
12	Nâng cấp, cải tạo trường Trung học cơ sở Nghĩa Lâm	xã Nghĩa Lâm		2025									225,0		180,0	45,0	225,0		180,0	45,0				
13	Đầu tư biển báo, biển chỉ dẫn, gỡ gảm tốc độ tại các tuyến đường thôn, ngõ xóm	xã Nghĩa Lâm		2025									450,0		360,0	90,0	450,0		360,0	90,0				
14	Đầu tư Hệ thống PCCC ở chợ thôn 1	xã Nghĩa Lâm		2025									450,0		315,0	135,0	450,0		315,0	135,0				
15	Tôn tạo Di tích văn phòng thôn 2, xã Nghĩa Lâm	xã Nghĩa Lâm		2025									300,00		210,0	90	300,0		210,0	90,0				
16	Mua sắm trang thiết bị NVH xã, dụng cụ TĐTT ở khu trung tâm xã, ở NVH thôn 7	xã Nghĩa Lâm		2025									251,4		176,0	75,4	251,4		176,0	75,4				
II Nghĩa Trung						3.680,9	2.576,3		1.104,6	3.762,4	2.628,2		1.134,2	8.115,1	2.628,2	3.500,0	1.986,9	4.411,5	29,2	3.500,0	882,3	58,8	29,2	29,6
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng thoát nước tuyến đường Tư Nghĩa - Nghĩa Hành (đoạn từ Bưu điện Văn Hóa đến Trạm Y tế đến xã Nghĩa Trung)	xã Nghĩa Trung	575 m	2022-2024	200, 24/7/2024	546,6	437,3		109,3	575,0	460,0		115,0	569,3	460,0		109,3				5,7		5,7	
2	Khu thể thao thôn An Hà I	xã Nghĩa Trung		2023-2024	129, 23/4/2024	987,4	691,2		296,2	987,4	691,2		296,2	987,4	691,2		296,2							
3	KCH Kênh N10-4-2KD	xã Nghĩa Trung		2023-2024	577, 30/12/2024	1.063,5	850,8		212,7	1.100,0	880,0		220,0	1.063,5	850,8		212,7				36,5	29,2	7,3	
4	BTXM tuyến ngõ 2 Hưu - đường sắt	xã Nghĩa Trung	600 m	2023-2024	424, 11/9/2024	1.083,3	597,0		486,3	1.100,0	597,0		503,000	1.083,3	597,0		486,3				16,7		16,7	
5	Nhà đa năng trường THCS Nghĩa Trung	xã Nghĩa Trung		2025-2026									4.411,5	29,2	3.500,0	882,3	4.411,5	29,2	3.500,0	882,3				
III Nghĩa Hòa						2.598,0	2.078,4		519,6	3.285,2	2.628,2		657,0	4.593,9	2.628,2	1.000,0	965,7	1.363,7	45,7	1.000,0	318,0	55,0	45,7	9,3
1	Nâng cấp mặt đường Tuyến Nguyễn Thanh Hồng - Nguyễn Mậu	xã Nghĩa Hòa	862 m	2022-2023	136,24/4/2024	569,9	455,9		114,0	569,9	455,9		114,0	569,9	455,9		114,0				0,0	0,0	0,0	
2	BTXM tuyến đường từ Trần Phú Hữu - Mai Xuân Niệm	xã Nghĩa Hòa	1000 m	2022-2023	173,03/6/2024	984,1	787,3		196,8	995,0	796,0		199,0	986,2	787,3		198,9				8,8	8,7	0,1	
3	BTXM + thoát nước tuyến đường từ Kênh N8 đi đống Năm Sào	xã Nghĩa Hòa	460 m	2023-2025	387, 20/9/2024	1.044,0	835,2		208,8	1.090,2	872,2		218,0	1.044,0	835,2		208,8				46,2	37,0	9,2	
4	Điện chiếu sáng từ ngã ba Đào - Khánh Lạc	xã Nghĩa Hòa	1060 m	2023-2025						630,13	504,10			630,1	504,1		126,0							
5	Đường trạm Bơm Đồng Cồn di Huỳnh Thái	xã Nghĩa Hòa	930m	2025									1.137,50		910,0	227,5	1.137,5		910,0	227,5				
6	Sửa chữa vỉa hè mặt nước Nghĩa trang liệt sĩ xã Nghĩa Hòa	xã Nghĩa Hòa		2025									226,2	45,7	90,0	90,5	226,2	45,7	90,0	90,5				
IV Nghĩa Hiệp						4.229,6	2.360,5	978,2	890,9	4.621,3	2.628,2	978,2	1.014,9	10.205,1	2.628,2	4.978,2	2.598,7	5.662,3	59,8	4.000,0	1.602,5	78,5	59,8	18,7

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian thực hiện	Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án hoàn thành			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung			Tổng Tăng	Trong đó			Tổng Giảm	Trong đó			Ghi chú					
						Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng Vốn	Trong đó		Tổng Vốn	Trong đó			Ngân sách trung ương	Trong đó			Ngân sách trung ương	Trong đó							
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh			Ngân sách huyện	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			
6	KCH kênh N16-3-3 - Bến Ông Đàm	xã Nghĩa Mỹ	700 m	2023-2025					1.093,5	874,8	218,7																	
VII	Nghĩa Sơn								4.169,7	3.335,7	834,0	5.419,7	3.335,7	1.000,0	1.084	1.250		1.000	250									
1	Đường BTXM: Tuyến Trung tâm xã đi suối	xã Nghĩa Sơn	180 m	2022-2024					576,0	460,8	115,2																	
2	Đường BTXM: Tuyến nhà ông Tre đi Đổng Lâm (giai đoạn 1)	xã Nghĩa Sơn	500 m	2023-2025					1.050,0	840,0	210,0																	
3	Đường BTXM: Tuyến nhà ông Tre đi Đổng Lâm (giai đoạn 2)	xã Nghĩa Sơn	500 m	2023-2025					1.050,0	840,0	210,0																	
4	Đường BTXM: Tuyến nhà ông Tre đi Đổng Lâm (giai đoạn 3)	xã Nghĩa Sơn	350 m	2023-2025					609,3	487,4	121,9																	
5	BTXM tuyến đường Ông Hồng đến đập 19/5	xã Nghĩa Sơn	600 m	2023-2025					884,4	707,5	176,9																	
6	Kiến cổ hóa kênh Đập Đổng Quang phía Tây - 6	xã Nghĩa Sơn	800m	2025								900,0			720,0	180,0	900,0			720,0	180,0							
7	Đường BTXM Tuyến Hồ Đũa - Đổng Lâm	xã Nghĩa Sơn	200m	2025								350,0			280,0	70,0	350,0			280,0	70,0							
VIII	Nghĩa Thắng								3.315,8	2.652,6	663,2	4.213,3	3.335,7	877,6	5.541,7	3.335,7	1.000,0	1.206	1.383,3	43,9	1.000,0	339,4	54,9	43,9	11,0			
1	Đường thôn: Tuyến Ngõ ông Chừc – giáp ngõ bà Lâm (thôn An Cư)	xã Nghĩa Thắng	800 m	2022-2024	336, 10/8/2023	975,9	780,7	195,2	986,3	789,0	197,3	975,9	780,7	195,2							10,4	8,3	-	2,1				
2	Đường thôn: Tuyến Ngõ ông Phạm Hiến – giáp cầu Ông (thôn An Tấn)	xã Nghĩa Thắng	1000 m	2022-2024	444, 29/12/2023	1.460,4	1.168,3	292,1	1.500,0	1.200,0	300,0	1.460,4	1.168,3	292,1							39,6	31,7	-	7,9				
3	Kênh N2-6-1-1	xã Nghĩa Thắng	700 m	2023-2025	227, 09/11/2024	879,5	703,6	175,9	884,4	707,5	176,9	879,5	703,6	175,9							4,9	3,9	-	1,0				
4	Nhà văn hóa thôn An Hòa Bắc	xã Nghĩa Thắng		2023-2025					842,6	639,2	203,4	975,9	683,1	292,8	133,3	43,9					89,4	-						
5	Đường thôn: Tuyến Nghĩa địa Gò Xơu- Suối chai	xã Nghĩa Thắng	447m	2025								650,0			520,0	130,0	650			520,0	130,0	-						
6	Kênh N2-6-1-1 nối dài	xã Nghĩa Thắng	550m	2025								600,0			480,0	120,0	600			480,0	120,0	-						
IX	Nghĩa Kỳ								3.403,6	2.722,9	-	680,7	4.169,6	3.335,7	-	833,9	5.419,6	3.335,7	1.000,0	1.083,9	1.506,0	301,2	256,0	204,8	-	51,2		
1	HTXNN Nghĩa Kỳ Đông - HTXNN Nghĩa Kỳ Tây	xã Nghĩa Kỳ	806 m	2022-2024	383, 26/12/2023	952,3	761,8	190,5	1.150,0	920,0	230,0	952,3	761,8	190,5							197,7	158,2	-	39,5				
2	NVC16 - BS	xã Nghĩa Kỳ	1000 m	2023-2025	388, 31/12/2023	1.050,4	840,3	210,1	1.100,0	880,0	220,0	1.050,4	840,3	210,1							49,6	39,7	-	9,9				
3	KCH kênh VC16-4-1	xã Nghĩa Kỳ	350 m	2023-2025	341, 31/12/2023	516,6	413,2	103,3	525,2	420,2	105,0	516,6	413,2	103,3							8,6	6,9	-	1,7				
4	KCH kênh VC4-6-2-1	xã Nghĩa Kỳ	400 m	2023-2025					510,0	408,0	102,0	510,0	408,0	102,0														
5	Nâng cấp mặt đường BTXM tuyến ngõ ông Lê Thành Nguyên đến ngõ Hồ Văn Đoàn	xã Nghĩa Kỳ	800 m	2023-2025	18, 13/01/2024	884,4	707,5	176,9	884,4	707,5	176,9	884,4	707,5	176,9							-	-	-	-				
6	Đình Làng Xuân Phổ - Ngõ Bảy Thắng	xã Nghĩa Kỳ	800 m	2025								900,0			720	180	900			720,0	180,0							
7	Ngõ Tám Trinh - Trường học xóm 3 cũ	xã Nghĩa Kỳ	500 m	2025								606,0	204,8	280	121,2	606	204,8	280,0	121,2									
X	Nghĩa Điền								2.592,9	2.151,2	-	441,7	4.169,7	3.335,7	-	834	5.319,9	3.335,7	1.000,0	984,2	1.351,7	61,2	1.000,0	290,5	201,5	61,2	-	140,3
1	KCH kênh N6-3A-2	xã Nghĩa Điền	620 m	2022-2024	156, 22/6/2023	479,9	460,8	19,1	576,0	460,8	115,2	479,9	460,8	19,1							96,1	-	-	-	96,1			
2	KCH kênh N6-3A-KD	xã Nghĩa Điền	1000 m	2023- 2025	70, 16/4/2024	980,8	784,6	196,2	1.150,0	920,0	230,0	1.096,2	900,0	196,2							53,8	20,0	-	-	33,8			
3	KCH kênh N8-VC6	xã Nghĩa Điền	450 m	2023- 2025					375,5	300,4	75,1	375,5	300,4	75,1							-	-	-	-	-			
4	KCH kênh N6-5KD	xã Nghĩa Điền	1058 m	2023- 2025	208, 13/9/2024	1.132,2	905,7	226,4	1.183,8	947,0	236,8	1.132,2	905,7	226,4							51,5	41,2	-	-	10,3			
5	KCH Kênh N6-7- 1 (tuổi đồng Bầu Nhá)	xã Nghĩa Điền	915m	2023-2025					884,4	707,5	176,9	884,4	707,5	176,9							-	-	-	-	-			
6	Tuyến đường Hoàng Văn Thu - tỉnh lộ 624	xã Nghĩa Điền	555m	2025								1.150,0			920,0	230,0	1150,0			920,0	230,0							
7	Sửa chữa các nhà văn hoá thôn, xã Nghĩa Điền	xã Nghĩa Điền		2025								201,7	61,2	80,0	60,5	201,7	61,2	80,0	60,5									
XI	Nghĩa Phương								2.697,1	2.203,0	-	494,1	4.169,7	3.335,7	834,0	5.363,0	3.335,7	1.000,0	1.027,3	1.365,9	92,7	1.000,0	273,2	172,5	92,7	79,8		
1	Đường GTNT: Tuyến Cầu Láng- Ngõ Bích	xã Nghĩa Phương	300 m	2022-2024	169, 12/7/2023	519,4	460,8	58,6	576,0	460,8	115,2	519,4	460,8	58,6							56,6	-	-	-	56,6			
2	Kênh: Róc con lương – Ngõ Mỹ - Bán cò	xã Nghĩa Phương	750 m	2022 - 2024	266, 02/11/2023	1.056,0	844,8	211,2	1.100,0	880,0	220,0	1.056,0	844,8	211,2							44,0	35,2	-	-	8,8			
3	Đường trục chính nội đồng: Đập bà Thủ - Cầu An Sơn	xã Nghĩa Phương	700 m	2023 - 2025	267, 02/11/2023	604,5	483,6	120,9	609,3	487,4	121,9	604,5	483,6	120,9							4,7	3,8	-	-	0,9			
4	KCH Kênh Trạm bơm số 04 thôn Năng Tây 2	xã Nghĩa Phương	500 m	2023 - 2025	298, 03/10/2024	517,3	413,8	103,5	584,4	467,5	116,9	517,3	413,8	103,5							67,1	53,7	-	-	13,4			
5	Núi Kênh N12-VC4	xã Nghĩa Phương	700 m	2023 - 2025					1.000,0	800,0	200,0	1.000,0	800,0	200,0							-	-	-	-	-			
6	BTXM đường TCND đồng Cổ Co thôn An Đại 1	xã Nghĩa Phương	120 m	2023 - 2025					300,0	240,0	60,0	300,0	240,0	60,0							-	-	-	-	-			
7	Kiến cổ hóa kênh Trạm Bơm số 1	xã Nghĩa Phương	320m	2025								625,0			500,0	125,0	625,0			500,0	125,0							

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian thực hiện	Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án hoàn thành			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung			Tổng Tăng	Trong đó			Tổng Giảm	Trong đó			Ghi chú			
						Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng Vốn	Trong đó			Tổng Vốn		Trong đó				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện								
8	Hệ thống Đèn chiếu sáng trên tuyến đường tỉnh DT.628, xã Nghĩa Phương (đoạn từ Công Bàu Sấu đến Đắc xe lửa)	xã Nghĩa Phương	1.230m	2025										740,9	92,7	500,0	148,2	740,9	92,7	500,0	148,2					
XII	Nghĩa Thương					2.861,2	2.289,0	572,2	4.169,7	3.335,7	834,0	5.465,5	3.335,7	1.000,0	1.129,7	1.516,0	176,2	1.000,0	339,8	220,2	176,2				44,0	
1	Nâng cấp mặt đường từ ngã tư Lúa đi nhà Nguyễn Trùng	xã Nghĩa Thương	660 m	2022-2024	109. 26/4/2024	720,9	576,7	144,2	850,0	680,0	170,0	720,9	576,7		144,2				129,1	103,3	-				25,8	
2	Tuyến đường từ Gò Lúm đi ngã tư Tân Nghĩa	xã Nghĩa Thương	250 m	2023-2025	123. 13/5/2024	571,2	456,9	114,2	585,0	468,0	117,0	571,2	456,9		114,2				13,8	11,1	-				2,8	
3	Tuyến đường Nghĩa Thương đi Nghĩa Phương đoạn từ Gò sụn đến Trần Văn Cường	xã Nghĩa Thương	500 m	2023-2025	120. 09/3/2024	685,1	548,1	137,0	750,0	600,0	150,0	685,1	548,1		137,0				64,9	51,9	-				13,0	
4	KCH Kênh Mương Vong - 1 (kênh Bùng Bình)	xã Nghĩa Thương	508 m	2023-2025	364. 29/12/2023	884,0	707,2	176,8	884,4	707,5	176,9	872,0	697,6		174,4				12,4	9,9	-				2,5	
5	Tuyến đường từ kênh N8 đi giáp đường Tân Nghĩa - Gò Bà Tré	xã Nghĩa Thương	600 m	2023-2025					1.100,3	880,2	220,1	1.100,3	880,2		220,1				-	-	-				-	
6	Tuyến đường từ cầu Bà Tiên đi đập Tân Quang	xã Nghĩa Thương	650m	2025								1.150,0		920,0	230,0	1.150,0	-	920,0	230,0							
7	Cải tạo, nâng cấp các nhà văn hóa thôn, xã Nghĩa Thương	xã Nghĩa Thương		2025								366,0	176,2	80	109,8	366,0	176,2	80,0	109,8							